

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN - MÔN THI NH PH

Khách: Lp học: 36CXD7 Năm học: 2012-2013 Số VHT: 3 (45,0,0,0,0,0)

Hết: Học phần: 122067100612 - Toán ứng dụng 2 Học kỳ: HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vì Tc N	NGÀY SINH	ĐIỂM THI NH PH						TBC	QUY TS: 30.00%	ĐIỂM THI	QUY TS: 70.00%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671031456	36CXD7	Nguyễn Tấn Anh	10/10/1994				4.0			4.0	1.2	4.5	3.2	4.4	
2	3671031305	36CXD7	Nguyễn Văn B o	19/05/1994				2.0			2.0	0.6	2.5	1.8	2.4	
3	3671031458	36CXD7	Nguyễn Văn Bình	04/01/1994				5.0			5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
4	3671031512	36CXD7	Nguyễn Quang Công	16/09/1989				2.0			2.0	0.6	2.0	1.4	2.0	
5	3671031584	36CXD7	Nguyễn Thanh C	31/05/1994				3.0			3.0	0.9	3.0	2.1	3.0	
6	3671031454	36CXD7	Trần Quang Chung	30/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
7	3671031591	36CXD7	Nguyễn Bình Danh	16/04/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
8	3671031489	36CXD7	Nguyễn Văn Duy	05/10/1993				5.0			5.0	1.5	4.5	3.2	4.7	
9	3671031295	36CXD7	Bá Quang Nguyễn	04/03/1993				2.0			2.0	0.6	6.5	4.6	5.2	
10	3671031523	36CXD7	L² Văn Nguyễn	20/11/1994				3.0			3.0	0.9	3.0	2.1	3.0	
11	3671031301	36CXD7	Hoàng Văn Nguyễn	21/09/1994				2.0			2.0	0.6	1.0	0.7	1.3	
12	3671031549	36CXD7	Nguyễn Văn Hùng	12/03/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
13	3671031514	36CXD7	Nguyễn Văn Hùng	02/06/1994				3.0			3.0	0.9	3.0	2.1	3.0	
14	3671031488	36CXD7	L² Văn Hùng	06/04/1993				4.0			4.0	1.2	3.5	2.5	3.7	
15	3671031550	36CXD7	Nguyễn Công Hùng	12/09/1994				3.0			3.0	0.9	3.5	2.5	3.4	
16	3671031552	36CXD7	Trần Minh Hùng	13/06/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
17	3671031575	36CXD7	Huỳnh Quang Hùng	02/10/1994				2.0			2.0	0.6	4.0	2.8	3.4	
18	3671031287	36CXD7	Nguyễn Nhật Huy	09/11/1994				4.0			4.0	1.2	4.5	3.2	4.4	
19	3671031476	36CXD7	Nguyễn Tấn Khang	11/02/1994				4.0			4.0	1.2	7.0	4.9	6.1	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD7 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067100612 - T ấ n ng d ng 2 H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H ấ V ấ T ấ N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671031505	36CXD7	V ồ B ấ c h	Khoa	03/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
21	3671031279	36CXD7	Tr n Ng c Duy	Kh ng	09/12/1993				3.0			3.0	0.9	1.5	1.1	2.0	
22	3671031567	36CXD7	Nguy n Th	L c	26/06/1994				6.0			6.0	1.8	6.5	4.6	6.4	
23	3671031544	36CXD7	Nguy n V ng	L c	03/06/1994				4.0			4.0	1.2	4.0	2.8	4.0	
24	3671031563	36CXD7	Nguy n Th ấ nh	Lu ấ n	06/01/1994				3.0			3.0	0.9	1.0	0.7	1.6	
25	3671031557	36CXD7	Phan T n	M nh	14/04/1994				5.0			5.0	1.5	5.5	3.9	5.4	
26	3671031553	36CXD7	V ồ H ầ ng	M nh	03/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
27	3671031510	36CXD7	L ấ V ấ nh	Mu ng	22/05/1994				3.0			3.0	0.9	4.0	2.8	3.7	N HP
28	3671031478	36CXD7	Ph m V ấ nh	Ngh ấ	22/06/1992				4.0			4.0	1.2	5.0	3.5	4.7	
29	3671031559	36CXD7	Tr ng Th Kim	Nguy t	09/04/1994				8.0			8.0	2.4	7.5	5.3	7.7	
30	3671031290	36CXD7	Tr n Anh	Nh t	04/11/1993				3.0			3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	
31	3671031543	36CXD7	Nguy n T ấ	Ph ấ t	07/08/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
32	3671031513	36CXD7	Nguy n Th ấ nh	Phong	04/10/1994				3.0			3.0	0.9	3.5	2.5	3.4	
33	3671031273	36CXD7	Phan Thanh	Phú c	01/09/1994				6.0			6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	
34	3671031497	36CXD7	T Anh	Ph ng	22/05/1994				2.0			2.0	0.6	1.0	0.7	1.3	
35	3671031471	36CXD7	B ấ i V ấ nh	Quang	06/10/1993				0.0			0.0	0.0	1.0	0.7	0.7	
36	3671031464	36CXD7	L ấ Nh c Vi	Qu ấ n	11/04/1993				0.0			0.0	0.0	1.5	1.1	1.1	
37	3671031278	36CXD7	Lê Ph ấ t	Sang	13/12/1994				3.0			3.0	0.9	3.0	2.1	3.0	
38	3671031291	36CXD7	Nguy n Thanh	Sang	07/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD7 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067100612 - T ấ n ng d ng 2 H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H ấ Vi T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M TH ấ	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671031468	36CXD7	Nguy n ấ nh S n	18/12/1994				0.0			0.0	0.0	3.0	2.1	2.1	N HP
40	3671031495	36CXD7	Nguy n Vi t S n	26/06/1993				2.0			2.0	0.6	2.5	1.8	2.4	
41	3671031492	36CXD7	Tr n B ấ nh T ấ m	02/09/1993				2.0			2.0	0.6	3.0	2.1	2.7	
42	3671031469	36CXD7	L 2 Nh t T ấ n	13/07/1994				3.0			3.0	0.9	3.5	2.5	3.4	
43	3671031538	36CXD7	L 2 ấ c T n	05/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
44	3671031590	36CXD7	Tr n Vi t T ấ n	15/09/1994				2.0			2.0	0.6	3.0	2.1	2.7	
45	3671031280	36CXD7	ấ V ấ Nh T ấ n	05/12/1994				5.0			5.0	1.5	7.0	4.9	6.4	
46	3671031484	36CXD7	Nguy n H u T ấ n	27/09/1994				2.0			2.0	0.6	3.0	2.1	2.7	
47	3671031504	36CXD7	Ph m ấ nh T ấ n	19/04/1994				4.0			4.0	1.2	6.5	4.6	5.8	
48	3671031282	36CXD7	Nguy n V ấ Nh T ấ ng	29/11/1993				4.0			4.0	1.2	5.5	3.9	5.1	
49	3671031526	36CXD7	Nguy n B ấ nh Tri u	13/07/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
50	3671031466	36CXD7	Nguy n ấ c Tr ng	17/10/1993				1.0			1.0	0.3	1.0	0.7	1.0	
51	3671031498	36CXD7	L 2 H ấ V ấ n	21/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
52	3671031300	36CXD7	Nguy n Tr ng V n	10/09/1994				2.0			2.0	0.6	5.0	3.5	4.1	
53	3671031467	36CXD7	Nguy n Thanh Vi m	21/06/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
54	3671031499	36CXD7	L 2 H ng V ấ O	26/01/1994				2.0			2.0	0.6	0.5	0.4	1.0	

T ng s : 54 h c sinh sinh vi 2 n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

Gi ấ o Vi 2 n B M ấ n

Gi ấ o V Khoa